

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIGLAND
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIGLAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIGLAND GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110244087

3. Ngày thành lập: 09/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 5, Tòa nhà SME Hoàng Gia, Đường Tô Hiệu, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 91 3288177

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm; Trừ đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Bán buôn sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi. (Trừ loại nhà nước cấm)	4649
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Trồng lúa	0111
15.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
16.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
17.	Trồng cây mía	0114
18.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
19.	Trồng cây lấy sợi	0116
20.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
21.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
22.	Trồng cây ăn quả	0121
23.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
24.	Trồng cây điều	0123
25.	Trồng cây hồ tiêu	0124
26.	Trồng cây cao su	0125
27.	Trồng cây cà phê	0126
28.	Trồng cây chè	0127
29.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
30.	Trồng cây lâu năm khác	0129
31.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
32.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
33.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
34.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
35.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
36.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
37.	Chăn nuôi gia cầm	0146
38.	Chăn nuôi khác	0149
39.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
40.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
41.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
42.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
43.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
44.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
45.	Khai thác gỗ	0220
46.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
47.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
48.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
49.	Khai thác thủy sản biển	0311
50.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
51.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321

52.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
53.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
54.	Khai thác và thu gom than non	0520
55.	Khai thác dầu thô	0610
56.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
57.	Khai thác quặng sắt	0710
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Trừ đấu giá)	8299
59.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
60.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
61.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
62.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
63.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
64.	Lập trình máy vi tính	6201
65.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
66.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
67.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
68.	Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, thiết lập mạng xã hội (Trừ hoạt động báo chí)	6312(Chính)
69.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v...)	6399
70.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
71.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản. Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản (Trừ đấu giá, tư vấn pháp luật về bất động sản)	6820
72.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
73.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

74.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
75.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
76.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm, Trừ đấu giá)	4690
77.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
78.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
79.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
80.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
81.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
82.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
83.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
84.	Khai thác muối	0893
85.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
88.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
89.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
90.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
91.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
92.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
93.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
94.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
95.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
96.	Sản xuất đường	1072
97.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
98.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
99.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
100.	Sản xuất chè	1076
101.	Sản xuất cà phê	1077
102.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
103.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

104.	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện Nhà nước cho phép)	1101
105.	Sản xuất rượu vang	1102
106.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
107.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
108.	In ấn	1811
109.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
110.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại nhà nước cấm)	1820
111.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc;	2100
112.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
113.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá)	4774
114.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Sàn giao dịch thương mại điện tử (Trừ đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
115.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
116.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
117.	Cơ sở lưu trú khác	5590
118.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
119.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
120.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
121.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
122.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820

123.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động sản xuất chương trình truyền hình, hoạt động báo chí)	5911
124.	Hoạt động hậu kỳ	5912
125.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ phát hành chương trình truyền hình, hoạt động báo chí)	5913
126.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
127.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: - Tư vấn, định hướng về nghề nghiệp, khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động lựa chọn ngành nghề, phương án đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện phù hợp với khả năng và nguyện vọng; - Tư vấn việc làm cho người lao động để lựa chọn vị trí việc làm phù hợp với khả năng và nguyện vọng; tư vấn về kỹ năng tham gia dự tuyển; về tự tạo việc làm, tìm việc làm trong nước và ngoài nước; - Tư vấn cho người sử dụng lao động về tuyển, sử dụng và quản lý lao động; về quản trị và phát triển việc làm, phát triển nguồn nhân lực; (Trừ hoạt động trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
128.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Doanh nghiệp cho thuê lại lao động	7820
129.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động	7830
130.	Đại lý du lịch	7911
131.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
132.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
133.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ loại nhà nước cấm)	3240
134.	Xây dựng nhà để ở	4101
135.	Xây dựng nhà không để ở	4102
136.	Xây dựng công trình đường sắt	4211

137.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
138.	Xây dựng công trình điện	4221
139.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
140.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
141.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
142.	Xây dựng công trình thủy	4291
143.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
144.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
145.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
146.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4311
147.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
148.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
149.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
150.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
151.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
152.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
153.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
154.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN CAO CƯỜNG	Xóm 1, Xã Đông Cơ, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	10,000	0340790093 42	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	10,000		
2	NGUYỄN KIM DŨNG	P3832 CT12A Khu đô thị Kim Văn – Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	5,000	0251850004 29	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	5,000		

3	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	Số 59 phố Hàng Đào, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	5,000	012990610
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	5,000	
4	LÊ THỊ THANH THỦY	Số 14 phố Lê Quý Đôn 2, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	5,000	111186822
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	5,000	
5	NGUYỄN CẢNH DINH	P3 tầng 36 tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.250.0 00	22.500.000.000	75,000	0010740047 36
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.250.0 00	22.500.000.000	75,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN CẢNH DINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 07/04/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001074004736

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P3 tầng 36 tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P3 tầng 36 tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội